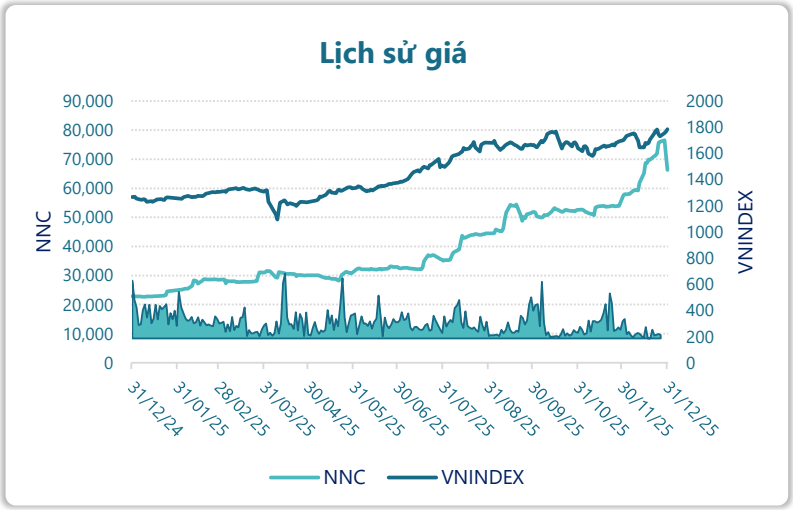
FireAnt

CTCP Đá Núi Nhỏ (HSX: NNC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**66,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	76,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	22,684
SL cổ phiếu LH	21,920,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	91,180
% sở hữu nước ngoài	3.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,453
P/E	10.5
EPS	6,297

DT thuần

Q4/25

129

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 29.0| 29.1%

YoY: ▲ 33.0| 34.4%

LN sau thuế

Q4/25

44.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.50| 3.4%

YoY: ▲ 22.7| 106%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

44.2%

+/- YoY: ▲ 16.5%

DT thuần

2025

391

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 111| 39.6%

LN sau thuế

2025

138

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 75.4| 120%

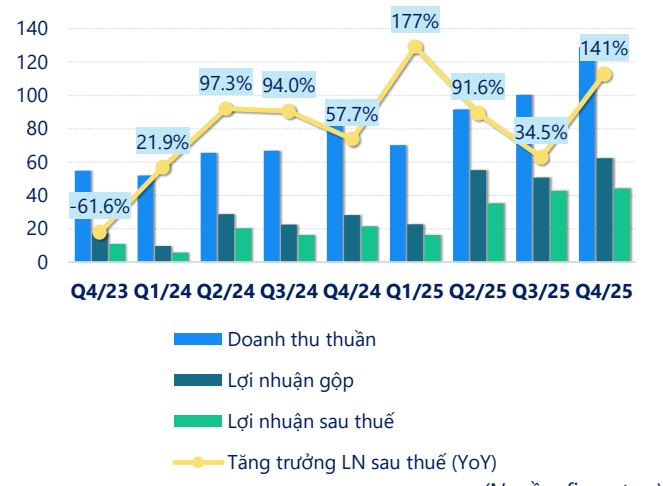
ROE

2025

29.2%

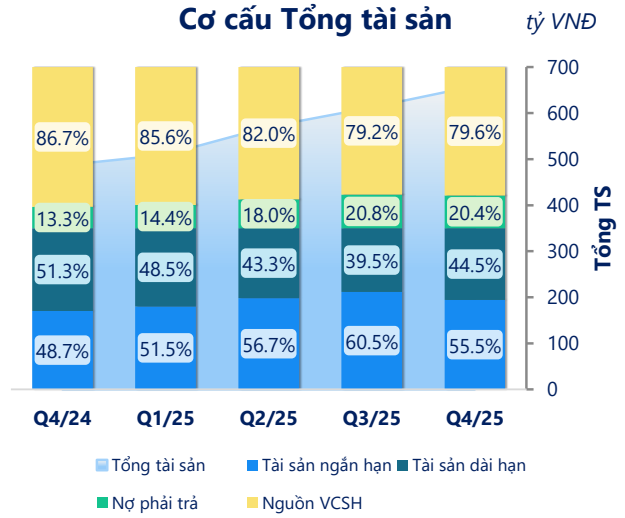
+/- YoY: ▲ 13.4%

Kết quả kinh doanh



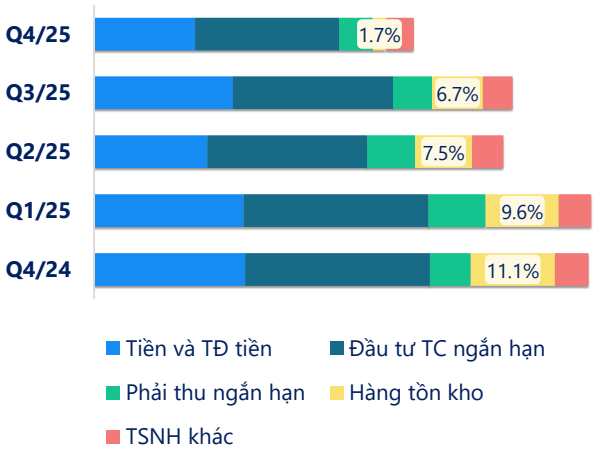
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



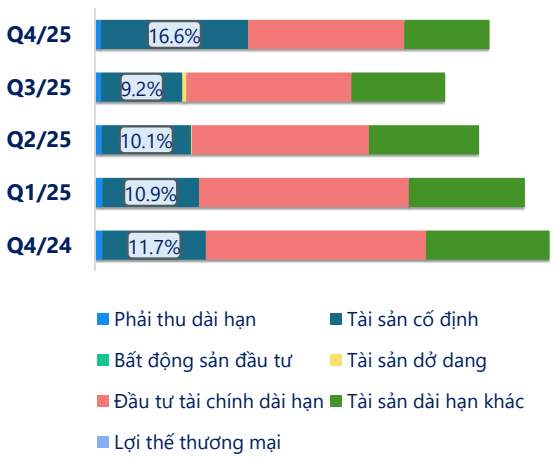
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



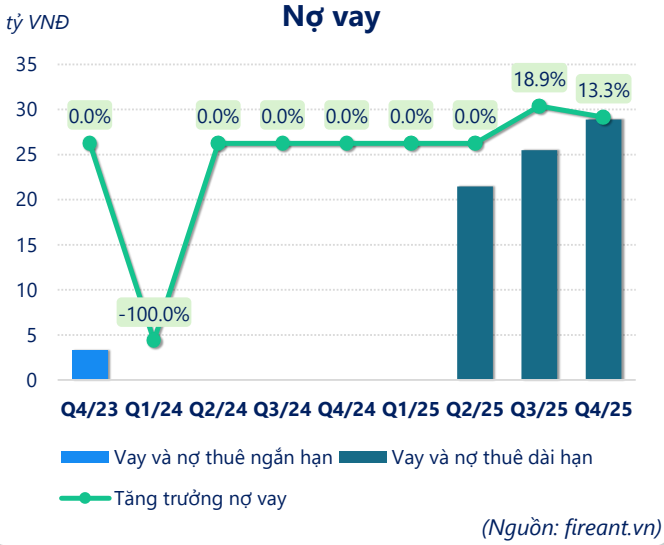
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



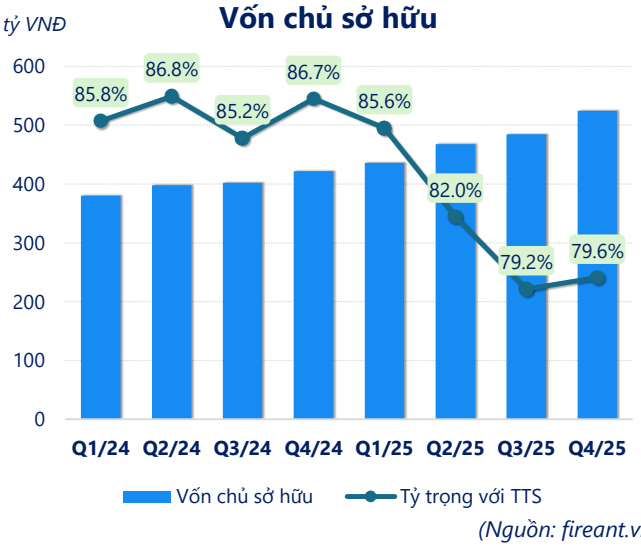
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



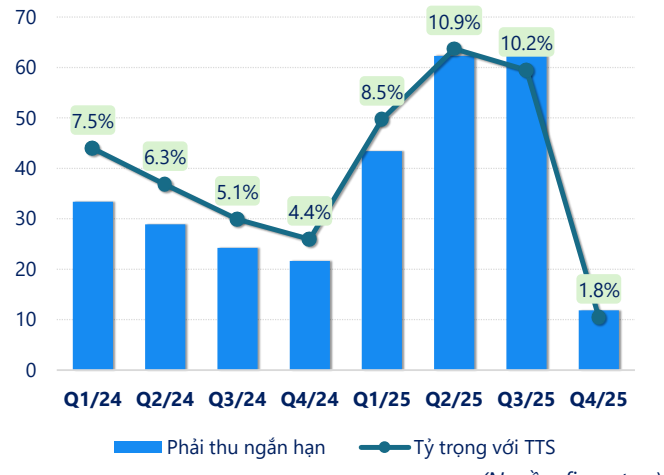
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



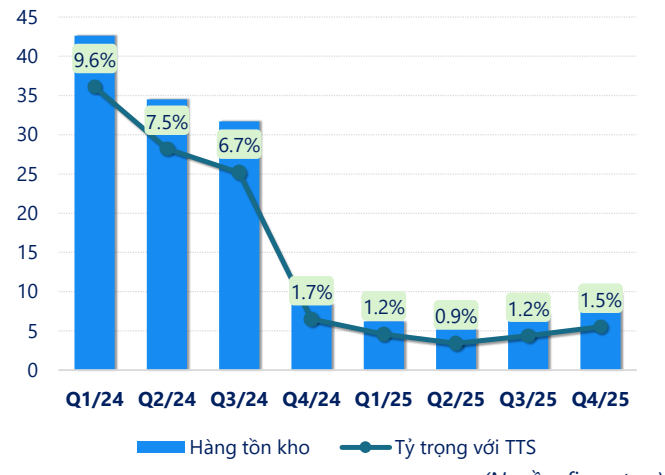
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



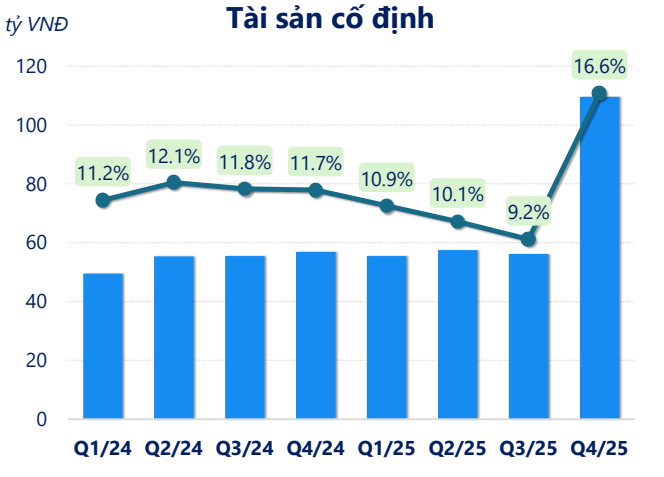
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



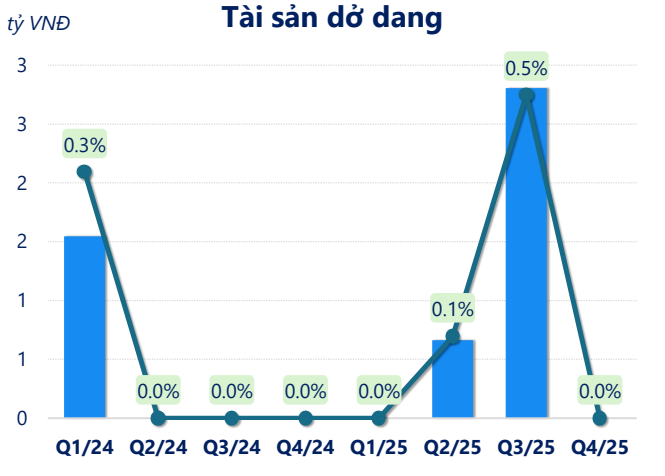
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



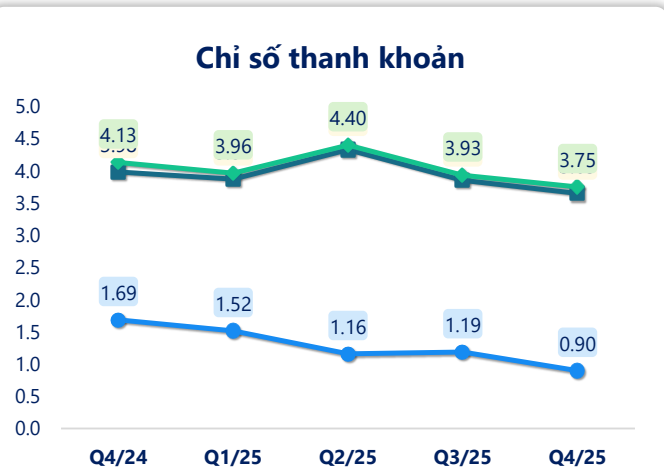
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



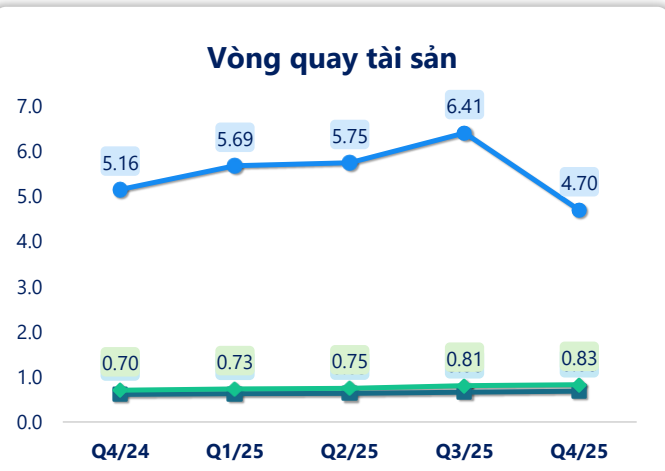
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**486**	**509**	**570**	**612**	**659**
Tài sản ngắn hạn	**237**	**262**	**323**	**370**	**366**
Tiền và tương đương tiền	96.7	100	85.1	112	87.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	92.3	94.4	152	171	239
Phải thu ngắn hạn	21.6	43.4	62.3	62.4	11.8
Hàng tồn kho	8.43	6.21	5.20	7.18	9.74
Tài sản ngắn hạn khác	17.8	18.0	18.1	18.0	17.8
Tài sản dài hạn	**249**	**247**	**247**	**242**	**293**
Phải thu dài hạn	3.99	4.27	4.27	4.27	4.28
Tài sản cố định	56.9	55.5	57.5	56.1	110
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0.66	2.81	0
Đầu tư tài chính dài hạn	121	121	114	114	116
Tài sản dài hạn khác	67.7	66.7	70.9	64.8	63.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**64.6**	**73.6**	**102**	**128**	**134**
Nợ ngắn hạn	**57.3**	**66.2**	**73.4**	**94.2**	**97.5**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	1.77	7.03	2.28	2.32	3.70
Nợ dài hạn	7.25	7.40	28.9	33.3	36.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	21.4	25.5	28.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	**422**	**436**	**468**	**485**	**525**
Vốn chủ sở hữu	**422**	**436**	**468**	**485**	**525**
Vốn điều lệ	219	219	219	219	219
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)